TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST Ngày: 09 – 01 – 2020 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 525/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thùy T1, sinh năm 1996 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn S, sinh năm 1985 (*có mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Võ Văn S tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 01/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh S không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia. Mỗi lần chị góp ý thì vợ chồng xảy ra cự cải, anh S dùng lời lẽ đe dọa đòi đánh, giết chị và gia đình chị. Mặc dù, chị và gia đình nhiều lần khuyên nhũ anh S nhưng không đạt kết quả dẫn đến mất hạnh phúc. Nên anh S bỏ về nhà cha mẹ ruột anh S sống ly thân từ đầu tháng 11/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân,

chị nhận thấy không tình cảm vợ chồng với anh S, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh S có với nhau 01 người con chung tên Võ Minh T4, sinh ngày 27/12/2016 hiện sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T4, yêu cầu anh S cấp dưỡng cho cháu T4 hàng tháng số tiền 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu T4 tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Để chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử bị đơn anh Võ Văn S trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ vì anh còn tình cảm với chị T4. Về tài sản chung, thống nhất để anh và chị T4 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Ngô Thị Thùy T1 và anh Võ Văn S là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân do anh S không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia dẫn anh chị cự cải, mất hạnh phúc. Chị T1 và anh S có thời gian sống ly thân từ đầu tháng 11/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh S. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1, anh S và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị T1 và anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh S.

[3] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*: Chị T1 và anh S có với nhau 01 người con chung tên Võ Minh T4, sinh ngày 27/12/2016. Xét cháu T4 vừa hơn 03 tuổi, còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ. Hơn nữa, kể từ thời điểm chị T1, anh S sống ly thân cho đến nay, cháu T4 do chị T1

nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định môi trường sống và sự chăm sóc, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T4 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét anh S là người không trực tiếp nuôi con, căn cứ vào mức yêu cầu cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng cho con của chị T1 và nhu cầu thiết yếu của cháu T4; căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, các điều 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T4 hàng tháng số tiền 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 09/01/2020 cho đến khi cháu T4 tròn 18 tuổi, số tiền này được giao cho chị T1 nhận. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do tất cả các vấn đề này, chị T1 và anh S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, anh S phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, các điều 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Thùy T1 và anh Võ Văn S.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Võ Minh T4, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2016 cho chị Ngô Thị Thùy T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Võ Văn S phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Võ Minh T4 số tiền 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu T4 tròn 18 (mười tám) tuổi. Anh S có trách nhiệm giao số tiền cấp dưỡng cho chị Ngô Thị Thùy T1 nhận.

2.3. Anh Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Ngô Thị Thùy T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0012233 ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4.2. Buộc anh Võ Văn S phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Ngô Thị Thùy T1 và anh Võ Văn S. Báo cho chị T1 và anh S biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Tân